TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2026/LĐ-PT
Ngày: 12 - 5 - 2026
V/v "Tranh chấp tiền lương, trợ cấp ưu đãi, hợp đồng lao động".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tài**

Các Thẩm phán: Bà **Phùng Thị Như Mai**

Ông **Huỳnh Ngọc Quyên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Quang Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Nguyễn Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 tháng 4 và 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 37/2026/TLPT-LĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp tiền lương, trợ cấp ưu đãi, hợp đồng lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số 11/2025/LĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2087/2026/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp F, xã T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Tống Văn H1,** sinh năm 1961 - Địa chỉ: A P, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) *(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 1186, quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/HDGD ngày 28/3/2025 tại Văn phòng C2). (Có mặt)*

- *Bị đơn:* **Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh B (nay là Trung tâm Bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H)**; Địa chỉ trụ sở: Ấp F, xã T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà **Lê Thị Hồng C** - chức vụ: Giám Đốc

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn: Ông **Đỗ Trịnh Minh C1**, sinh năm 1978 *(Theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 21/4/2026 của Trung tâm B) (Có mặt).*

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Các sự kiện pháp lý được các bên đương sự thống nhất xác định:

- **Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh B** là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở L tỉnh được thành lập theo Quyết định số 137/QĐ.UBT.TCHCSN ngày 28/3/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Bà Nguyễn Thị H bắt đầu làm việc tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B từ năm 2011 theo các hợp đồng lao động đã ký với Trung tâm: Hợp đồng lao động số 06/2011 ngày 10/3/2011 (có thời hạn từ ngày 07/3/2011 đến ngày 06/3/2012); Hợp đồng lao động số 03/2012 ngày 05/3/2012 (có thời hạn từ ngày 07/3/2012 đến ngày 06/3/2014). Sau đó vẫn tiếp tục làm việc tại Trung tâm đến hết năm 2019 không có ký hợp đồng lao động. Mức lương thỏa thuận được ghi nhận trên hợp động lao động theo hệ số, không có số tiền cụ thể.

- Ngày 02/01/2020, bà H và **Trung tâm Xã hội tỉnh B** ký kết Hợp đồng số 83/HĐLV, với thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020, vị trí công tác là nhân viên phục vụ, tiền lương khoán là 5.491.200 đồng trong đó lương vùng là 4.420.000 đồng, khoản phụ cấp khác là 1.071.200 đồng.

- Ngày 01/01/2021, bà H với **Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh B** ký kết Hợp đồng số 42/HĐ-TTBTXH, với thời hạn của hợp đồng là 1 năm (từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021), vị trí công tác là nhân viên nuôi dưỡng, tiền lương khoán là 5.800.600 đồng trong đó lương vùng là 4.420.000 đồng, phụ cấp độc hại 5% là 221.000 đồng, phụ cấp bằng cấp 7% là 309.400 đồng, phụ cấp khác 850.200 đồng. Mức lương thực nhận là 5.304.013 đồng/tháng.

- Ngày 23/02/2022, bà H và **Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh B** ký kết Hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ phục vụ số 67/HĐ-TTBTXH, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn tính từ ngày 01/01/2022, vị trí việc làm nhân viên phục vụ, giá trị của hợp đồng lao động (lương khoán) 5.800.600 đồng/tháng, trong đó lương cơ bản 4.420.000 đồng, phụ cấp độc hại 5% là 221.000 đồng, phụ cấp bằng cấp 7% là 309.400 đồng, phụ cấp khác 850.200 đồng. Mức lương thực nhận là 5.304.013 đồng/tháng.

- Ngày 10/3/2025, bà H và **Trung tâm Bảo trợ và Công tác Xã hội tỉnh B** *(thành lập theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND Tỉnh B hợp nhất 2 đơn vị là Trung tâm Bảo trợ Xã hội và Trung tâm C và Bảo trợ Trẻ em)* ký kết Hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ phục vụ số 67/HĐ-TTBTXH, với thời hạn hợp đồng lao động không xác định thời hạn tính từ ngày 01/3/2025, tổng tiền lương tháng là 6.581.560 đồng/tháng, trong đó mức lương theo công việc 4.960.000 đồng, phụ cấp độc hại 7% là 347.200 đồng, các khoản bổ sung khác 1.274.360 đồng. Tiền lương thực lãnh là 5.890.496 đồng/tháng.

- Ngày 26/4/2025, bà H và **Trung tâm Bảo trợ và Công tác Xã hội tỉnh B** ký kết Phụ lục Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 67/HĐ-TTBTXH ngày 10/3/2025. Cụ thể: điều chỉnh tổng tiền lương tháng là 6.850.935 đồng/tháng, trong đó mức lương theo công việc 6.028.911 đồng, phụ cấp độc hại 7% là 422.024 đồng, các khoản bổ sung khác 400.000 đồng. Tiền lương thực lãnh là 6.109.077 đồng/tháng.

- Ngày 18/8/2025, bà H và **Trung tâm Bảo trợ và Công tác Xã hội** *(được chuyển đổi theo Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về trực thuộc Sở Y tế Thành phố H)* ký kết Hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ phục vụ số 441/HĐ-TTBTXH, với thời hạn hợp đồng lao động không xác định thời hạn tính từ ngày 01/7/2025, tổng tiền lương tháng là 6.850.935 đồng/tháng, trong đó mức lương theo công việc 6.028.911 đồng, phụ cấp độc hại 7% là 422.024 đồng, các khoản bổ sung khác 400.000 đồng. Tiền lương thực lãnh là 6.173.587 đồng/tháng.

- Ngày 06/02/2026, bà H và **Trung tâm Bảo trợ và Công tác Xã hội** ký kết Phụ lục Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 67/HĐ-TTBTXH ngày 10/3/2025. Cụ thể: điều chỉnh tổng tiền lương tháng là 7.042.555 đồng/tháng, trong đó mức lương theo công việc 6.777.055 đồng, phụ cấp độc hại 7% là 265.500 đồng. Tiền lương thực lãnh là 6.303.086 đồng/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án tại Cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có ông Tống Văn H1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị H bắt đầu làm việc tại Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B (nay là Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H) từ năm 2011 theo các hợp đồng lao động đã ký với Trung tâm nêu trên. Theo quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 25/9/2012 của UBND tỉnh B thể hiện ưu đãi cho cán bộ công chức, viên chức, nhân viên người lao động làm việc tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu sẽ hỗ trợ thêm cho mỗi nhân viên là 1.200.000 đồng/tháng. Từ năm 2013 đến tháng 12/2019, bà H đều được trung tâm xã hội hỗ trợ mỗi tháng 1.200.000 đồng. Từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2024 thì bà H không được nhận tiền hỗ trợ 1.200.000 đồng này, bà H đã liên hệ với Trung tâm để hỏi lý do nhưng không nhận được văn bản trả lời. Do đó, bà Nguyễn Thị H yêu cầu nội dung như sau:

1. Hủy hợp đồng số 83/HĐLV ngày 02/01/2020 của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh B (nay là Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H);

2. Hủy hợp đồng số 67/HĐ-TTBTXH ngày 23-02-2022 của Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh B (nay là Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H);

3. Buộc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh B (nay là Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H) trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền cụ thể sau:

+ Tiền ưu đãi người lao động theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 25/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B mỗi tháng 1.200.000 đồng tính từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2024 là 72.000.000 đồng.

+ T bị giảm khi chuyển đổi hợp đồng từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2021 là 15.772.800 đồng và từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2024 là 31.615.200 đồng

4. Buộc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh B ký lại hợp đồng lao động và chi trả lương theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004, phụ cấp ưu đãi thu hút, ưu đãi nghề theo Nghị định 26/2016/NĐ-CP ngày 16-4-2016.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/9/2025 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B (nay là Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H) trả cho bà H số tiền trợ cấp thu hút mỗi tháng 1.200.000 đồng theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 25/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 12 năm 2024 là 69.600.000 đồng. Đối với các yêu cầu còn lại thì bà H vẫn giữ nguyên. Tổng số tiền bà H yêu cầu Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh B (nay là Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H) phải trả cho bà là 116.988.000 đồng.

Bị đơn Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội có người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Duy H2 trình bày:

- Đối với yêu cầu hủy hợp đồng số 83/HĐLV ngày 02/01/2020, thì Hợp đồng số 83 giữa Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh B với bà Nguyễn Thị H đã chấm dứt kể từ thời điểm 31/12/2020.

- Đối với yêu cầu hủy hợp đồng số 67/HĐ-TTBTXH ngày 23-02-2022, thì bị đơn đồng ý chấm dứt hợp đồng số 67/HĐ-TTBTXH ngày 23-02-2022 giữa Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh B với bà Nguyễn Thị H.

- Đối với yêu cầu trả tiền trợ cấp tháng 12/2019 đến tháng 12/2024 là 60 tháng*1.200.000đồng/tháng= 72.000.000 đồng, theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 25/09/2012 của UBND tỉnh B-VT, thì:

+ Từ tháng 12/2019 trở về trước bà H ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và được áp dụng bảng lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ. Được hưởng mức lương theo hệ số là 2.562.800 đồng; Phụ cấp khu vực là 298.000 đồng; Phụ cấp độc hại tháng 149.000 đồng; Phụ cấp theo Nghị định số 26/NĐ-CP 1.281.400 đồng; Phụ cấp thu hút theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND là 1.200.000 đồng. Tổng lương bà Nguyễn Thị H thực nhận tiền lương và các khoản phụ cấp trong tháng 12/2019 trở về trước là 5.491.200 đồng.

+ Căn cứ Công văn số 638/HD-SNV-STC về việc hướng dẫn thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của UBND tỉnh B ngày 30/10/2019. Theo mục 2 của công văn này, đối với cá nhân đang ký HĐLĐ để làm những công việc nêu tại điều 1 Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ – CP và áp dụng bảng lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang *thì chuyển sang thực hiện ký HĐLĐ theo quy định tại điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ.* Mức lương trong hợp đồng lao động mới không thấp hơn mức lương hiện hưởng. Từ các khoản lương, phụ cấp nêu trong đơn của bà H đã được đơn vị chuyển đổi vào tiền lương và tiền công khác thể hiện trên bảng lương và trên hợp đồng lao động số 83/HĐLV ngày 02/01/2020 và HĐ số 67/HĐ-TTBTXH ngày 23-02-2022 của người lao

động theo bảng lương từ tháng 01 đến tháng 12/2021, tổng số tiền là 5.491.200 đồng/tháng. Bà H nói là người lao động không được hưởng chế độ thu hút 1.200.000đồng/người/tháng là không đúng. Do danh sách tiền lương theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP đã thay thế danh sách tiền lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP nên các khoản phụ cấp không còn thể hiện trên bảng lương của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP.

- Đối với yêu cầu trả khoản chênh lệch khi chuyển hợp đồng từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2021 là 15.772.800 đồng và từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2024 là 31.615.200 đồng, thì: Qua kiểm tra 02 hợp đồng số 83/HĐLV và HĐ số 67/HĐ-TTBTXH của người lao động trên bảng lương từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2021, thì bà H được hưởng tổng số tiền là 5.491.200 đồng/tháng. Tổng số tiền bà H tháng 12/2019 trên bảng lương là 5.491.200 đồng/tháng. Như vậy việc chuyển giao hợp đồng thì không có sự chênh lệch về số tiền từ tháng 1/2020 đến tháng 12/2021 là 15.772.800 đồng; Từ tháng 1/2022 đến tháng 12/2024 bà H không ký thêm phụ lục hợp đồng và hợp đồng lao động theo yêu cầu của Trung tâm nên khoản chênh lệch khi chuyển hợp đồng là 31.615.200 đồng là không có cơ sở. Do đó bị đơn không chấp nhận các yêu cầu này của nguyên đơn.

- Đối với yêu cầu buộc Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B ký lại hợp đồng và thực hiện chi trả lương theo nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004, phụ cấp ưu đãi thu hút, ưu đãi nghề theo Nghị định 26/2016/NĐ-CP ngày 16-4-2016, thì Trung tâm và bà H đã thỏa thuận trả lương khoán theo hợp đồng nên không có căn cứ để áp dụng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Ngày 26/8/2025, người đại diện ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu trong vụ án này, vì bị đơn cho rằng thời hiệu đối với hợp đồng lao động số 83/HĐLV ngày 02/01/2020 và những nội dung phát sinh trước ngày 13/3/2025 đối với hợp đồng số 67/HĐ/TTBTXH ngày 23-02-2022 đã hết hiệu lực. Đề nghị Tòa án đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án lao động sơ thẩm số 11/2025/LĐ-ST ngày 19/9/2025 (được sửa chữa bổ sung theo Quyết định số 111/2025/QĐ-SCBSBA ngày 24/10/2025) của Tòa án nhân dân Khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

***Tuyên xử*:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy hợp đồng lao động số 83/HĐLV ngày 02/01/2020, do hết thời hiệu khởi kiện.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B (nay là Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H) về việc:

- Hủy hợp đồng lao động số 67/HĐ_TTBTXH ngày 23-02-2022 giữa Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B với bà Nguyễn Thị H

- Buộc Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B trả cho bà H số tiền trợ cấp thu hút mỗi tháng 1.200.000 đồng, theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 25/9/2012, của UBND tỉnh B, từ tháng 02/2020 đến tháng 12/2024 là 69.600.000 đồng.

- Buộc Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B (nay là Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H) phải trả tiền bị giảm khi chuyển đổi hợp đồng từ tháng 01/2020 đến tháng 12 năm 2021 là 15.772.800 đồng, từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2024 là 31.615.200 đồng.

- Buộc Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B (nay là Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H) ký lại hợp đồng lao động và chi trả lương theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 03/10/2025 nguyên đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có ông Tống Văn H1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Từ tháng 12/2019 về trước, ngoài việc bà H hưởng trợ cấp theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 25/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B là 1.200.000 đồng/tháng. bà H được hưởng: Phụ cấp khu vực 20% là 298.000 đồng; Phụ cấp độc hại 10% là 149.000 đồng; Phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 là 70% là 1.281.400 đồng. Tổng cộng là 1.728.400 đồng.

Khi bà H ký Hợp đồng số 83/HĐLV ngày 02/01/2020 thì mức lương vùng là 4.420.000 đồng, khoản bổ sung khác là 1.071.200 đồng. Như vậy bà H bị mất đi số tiền là 657.200 đồng/tháng. Từ ngày 01/01/2020 đến tháng 12/2021 bà H bị mất là 15.772.800 đồng (24 tháng x 657.200 đồng).

Khi bà H ký Hợp đồng số 67/HĐTTBTXH ngày 23/02/2022, mức lương cơ bản là 4.420.000 đồng, phụ cấp khác còn: 850.200 đồng, số tiền mất đi 878.200 đồng/tháng. Từ ngày 01/01/2022 đến tháng 12/2024 bà H bị mất là 31.615.200 đồng (36 tháng x 878.200 đồng).

Việc hưởng trợ cấp theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 25/9/2012 của Ủy Ban nhân dân tỉnh B 1.200.000 đồng/tháng, bà H không được nhận từ tháng 02/2020 đến 12/2024 là 69.600.000 đồng (58 tháng x 1.200.000 đồng)

Qua các biên bản, hòa giải bị đơn không có chứng cứ kèm theo, tranh tụng tại tòa sơ thẩm bị đơn người đại diện nói có trong hợp đồng, bảng lương khoản 1.200.000 đồng/tháng. Bên bị đơn không có chứng cứ kèm theo. Nguyên đơn nhận thấy tại khoản 3 Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019, khi thực hiện mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp không được xóa bỏ hoặc cắt giảm các chế độ tiền lương khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, làm việc trong điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại, chế độ bồi dưỡng hiện vật đối với các chức danh, nghề nặng nhọc, độc hại và các chế độ khác theo quy định của Pháp luật lao động. Các khoản phụ cấp, bổ sung khác, trợ cấp tiền thưởng do doanh nghiệp quy định thì

thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc theo quy định của doanh nghiệp. Nguyên đơn cho rằng Trung tâm đã làm trái với khoản 3 Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ, khoản bổ sung khác bị mất. Căn cứ khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì tài liệu đọc được nội dung coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp, hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

Theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019, bà H hưởng mức lương vùng 4.420.000 đồng/tháng; Theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 quy định mức lương tối thiểu có hiệu lực từ 01/7/2022 là 4.680.000 đồng/tháng. Theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu 4.960.000 đồng/tháng có hiệu lực 01/7/2024. Bà H được lên lương từ 4.680.000 đồng lên 4.960.000 đồng. Như vậy bảng lương bà H nhận đầy đủ.

Từ những căn cứ, cơ sở nêu trên bà H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Lý do: Cấp sơ thẩm chưa xem xét những nội dung nguyên đơn đưa ra; Chưa thu thập chứng cứ đầy đủ cụ thể là các hợp đồng lao động của bà H từ khi bắt đầu làm việc đến tháng 12/2019; Bảng lương từ tháng 1/2019 đến tháng 12/2019; Quy chế lương, chi tiêu nội bộ từ năm tháng 1/2020 đến tháng 7/2024. Đề nghị được chi trả lương theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ đã từng áp dụng với bà H, và tính thời gian nâng bậc, hệ số thời gian tính từ ngày 01/01/2025.

Bị đơn Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H có ông Đỗ Trịnh Minh C1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Bị đơn không đồng ý với các nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật lao động, xét thấy Cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn nằm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp tiền lương, trợ cấp và hợp đồng lao động" và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 là đúng quy định.

[1.3] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ngày 04/01/2025, bà H khởi kiện **Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh B** ra Tòa án nhân dân Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Ngày 27/02/2025 và ngày 07/3/2025, bà H có Đơn khởi kiện bổ sung. Ngày 13/3/2025, Tòa án nhân dân Thị xã Phú Mỹ có Thông báo về việc thụ lý vụ án số 27/TB-TLVA.

- Ngày 09/5/2025, bà H có Đơn khởi kiện bổ sung. Ngày 14/5/2025, Tòa án nhân dân Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có Thông báo về việc thụ lý vụ án số 03/TB-TLVA, thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.4] Về điều kiện tiền tố tụng: Tranh chấp tiền lương và trợ cấp ưu đãi giữa người sử dụng lao động và người lao động thuộc trường hợp bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động theo quy định tại Điều 188 Bộ luật lao động 2019 trước khi khởi kiện tại Tòa án.

- Ngày 13/9/2024, bà H cùng 34 người lao động khác có đơn khiếu nại về việc thực hiện chi trả lương và các khoản phụ cấp theo quy định của pháp luật chưa đúng pháp luật gửi đến trung tâm Bảo trợ xã hội.

- Ngày 17/9/2024 bà H có văn bản ủy quyền cho người đại diện là ông Tống Văn H1 được đại diện bà H giải quyết khiếu nại tại trung tâm, các cơ quan có thẩm quyền.

- Ngày 30/10/2025, Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội ban hành Quyết định số 1141/QĐ-TTBTXH giải quyết khiếu nại của 34/35 người lao động đang công tác tại Trung tâm.

- Ngày 25/11/2024, ông Tống Văn H1 (đại diện tập thể 34 người lao động) được Hội đồng hòa giải lao động P tiến hành lập Biên bản hòa giải tranh chấp lao động với Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh B để giải quyết đơn khiếu nại của tập thể người lao động.

- Theo lời trình bày của ông Tống Văn H1 thì khi ông H1 đại diện tập thể người lao động làm đơn khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án Cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông H1 về làm đơn khởi kiện với tư cách cá nhân.

- Tháng 01/2025, bà Nguyễn Thị H là 01 trong 34 người lao động trên có Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thị xã Phú Mỹ (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12 Thành phố Hồ Chí Minh) (Đơn khởi kiện có thể hiện nội dung đã được Hòa giải viên lao động tiến hành hòa giải theo Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 25/11/2025).

- Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 17/9/2024 do cá nhân bà Nguyễn Thị H lập để ủy quyền cho ông Tống Văn H1 được đại diện mình tham gia giải quyết khiếu nại, tranh chấp lao động về lợi ích và Biên bản hòa giải tranh chấp lao động do Hòa giải viên lao

động Ủy ban nhân dân Thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu lập ngày 25/11/2024. Tòa án nhân dân Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thụ lý và giải quyết trên cơ sở chấp nhận Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 25/11/2024.

Kiểm tra tài liệu chứng cứ có trong các hồ sơ liên quan đến Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh B, có một số hồ sơ, Thẩm phán được phân công giải quyết hồ sơ yêu cầu người lao động (nguyên đơn) làm lại và bổ sung thủ tục tiền tố tụng với Biên bản hòa giải tranh chấp lao động cá nhân đúng quy định. Trong vụ án này, Thẩm phán được phân công giải quyết hồ sơ chấp nhận Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 25/11/2025 nên không yêu cầu nguyên đơn bổ sung hoặc làm lại thủ tục tiền tố tụng.

Cấp phúc thẩm nhận thấy: Việc chấp nhận Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 25/11/2025 là đương sự đã thực hiện thủ tục tiền tố tụng đối với các tranh chấp lao động cá nhân bắt buộc phải được hòa giải viên lao động hòa giải là do Tòa án Cấp sơ thẩm quyết định, không phải lỗi của các bên đương sự. Nay thời hạn 6 tháng để yêu cầu hòa giải viên lao động tiến hành hòa giải đã hết, các đương sự không thể thực hiện yêu cầu hòa giải viên lao động hòa giải lại. Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận các đương sự đã thực hiện thủ tục hòa giải thông qua hòa giải viên lao động, đủ điều kiện tiền tố tụng theo quy định Điều 188 Bộ luật lao động 2019.

Cấp sơ thẩm không có nhận định về điều kiện tiền tố tụng trong vụ án này là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Cấp sơ thẩm cần lưu ý và rút kinh nghiệm về việc đối với các biên bản hòa giải tranh chấp lao động viết chung cho nhiều người lao động có cùng người sử dụng lao động, Cấp sơ thẩm cần kiểm tra kỹ nội dung Biên bản hòa giải để xác định tranh chấp lao động cá nhân hay tranh chấp lao động tập thể để yêu cầu làm lại hoặc bổ sung Biên bản hòa giải tranh chấp lao động cá nhân đúng quy định.

[1.5] Do Bị đơn là một tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập. Quá trình thực hiện hợp đồng lao động cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn liên tục có sự thay đổi tên của đơn vị sự nghiệp công lập này do hợp nhất các Trung tâm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh B, thay đổi đơn vị quản lý từ Sở L và Xã hội sang Sở Y tế tỉnh B cuối năm 2024. Đến ngày 01/7/2025, do sáp nhập tỉnh nên chuyển đổi về trực thuộc Sở Y tế Thành phố H theo quy định. Việc thay đổi tên, sáp nhập thêm, thay đổi đơn vị trực thuộc không làm chấm dứt hoạt động của bị đơn. Tuy nhiên cần ghi nhận đúng tên của người sử dụng lao động theo từng giai đoạn để đảm bảo việc chính xác khi giải quyết vụ án. Tại thời điểm thụ lý vụ án (ngày 13/3/2025), bị đơn có tên gọi chính xác là **Trung tâm Bảo trợ và Công tác Xã hội** - trực thuộc Sở Y tế tỉnh B, hiện nay trực thuộc Sở Y tế Thành phố H.

[1.6] Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn:

- Ngày 26/8/2025**,** đại diện theo ủy quyền của Trung tâm Bảo trợ và Công tác Xã hội tỉnh B có Đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu để đề nghị đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn xác định chỉ yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu hủy hợp đồng lao động số 83/HĐLV ngày 02/01/2020, rút lại việc yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy hợp đồng lao động số 83/HĐLV ngày 02/01/2020 của nguyên đơn là đúng quy định.

- Tuy nhiên Cấp sơ thẩm căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 quy định thời hiệu khởi kiện để yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại để xác định thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu hủy hợp đồng lao động số 83/HĐLV ngày 02/01/2020 của nguyên đơn đã hết là áp dụng không đúng quy định của pháp luật.

- Cấp sơ thẩm cần lưu ý, khi giải quyết yêu cầu áp dụng thời hiệu của đương sự, Cấp sơ thẩm cần hiểu rõ các quy định của Bộ luật dân sự 2015 về thời hiệu (Mục 2 Chương 10 Phần thứ nhất, từ Điều 149 đến Điều 157), các quy định về thời hiệu đối với các loại tranh chấp cụ thể và quy định tại các Điều 184, Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong vụ việc này, cụ thể:

Khoản 1 Điều 149 quy định: *"Thời hiệu là thời hạn do luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì phát sinh hậu quả pháp lý đối với chủ thể theo điều kiện do luật quy định. Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan."*

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 149 Bộ luật dân sự 2015 này, đối với các vụ án tranh chấp về lao động, cần căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 190 Bộ luật lao động 2019 về "*Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm."* để xét yêu cầu áp dụng thời hiệu. Cấp sơ thẩm áp dụng quy định thời hiệu đối với tranh chấp hợp đồng là 03 năm là áp dụng không đúng.

[2] Về quan hệ lao động: Căn cứ các Hợp đồng lao động đã được hai bên giao kết và thực hiện, xác định giữa bà Nguyễn Thị H và Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội đã xác lập quan hệ lao động từ ngày 10/3/2011 cho đến nay vẫn còn thực hiện.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu hủy hợp đồng lao động số 67/HĐ-TTBTXH ngày 23-02-2022: Cấp sơ thẩm nhận định Hợp đồng lao động số 67/HĐ_TTBTXH ngày 23-02-2022 là loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Tuy nhiên ngày 10/3/2025 hai bên đã ký Hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ số 67/HĐLĐ, hợp đồng lao động không xác định thời hạn mới có hiệu lực từ ngày 01/3/2025, thay thế Hợp đồng lao động số 67/HĐ_TTBTXH ngày 23-02-2022. Hợp đồng lao động số 67/HĐ_TTBTXH ngày 23-02-2022 đã chấm dứt theo thỏa thuận của các bên từ ngày 01/3/2025. Do đó, Cấp sơ thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Trung tâm bảo trợ xã hội trả cho bà H số tiền trợ cấp thu hút mỗi tháng 1.200.000 đồng theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 25/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, từ tháng 02/2020 đến tháng 12/2024 là 69.600.000 đồng:

- Cấp sơ thẩm căn cứ hướng dẫn tại mục 2 của Công văn số 638/HD-SNV-STC ngày 30/10/2019 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ hợp đồng một số công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của Sở Nội vụ - Sở Tài chính Ủy ban nhân dân tỉnh B; đối chiếu tiền lương và phụ cấp tại bảng lương tháng 12/2019

và danh sách trợ cấp thu hút cho cán bộ viên chức và người lao động tháng 12/2019 (tổng số tiền mà bà H đang được hưởng trước khi ký hợp đồng lao động theo quy định tại Nghị định số 161/2019/NĐ-CP là 5.491.200 đồng/tháng với thỏa thuận về tiền lương khoán là 5.491.200 đồng giữa hai bên tại Hợp đồng lao động số 83/HĐLV ngày 02/01/2020. Xác định tiền lương theo Hợp đồng lao động số 83/HĐLV được bị đơn thực hiện đúng với hướng dẫn tại Công văn số 638/HD-SNV-STC ngày 30/10/2019. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là đúng quy định.

[3.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Trung tâm phải trả tiền bị giảm khi chuyển đổi hợp đồng từ tháng 01/2020 đến tháng 12 năm 2021 15.772.800 đồng, từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2024 là 31.615.200 đồng:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 90 Bộ luật lao động 2019 thì *"Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác."*

Căn cứ thỏa thuận về tiền lương được hai bên thỏa thuận tại các hợp đồng lao động trong các năm từ năm 2000 đến 2004, đối chiếu bảng lương hàng tháng các năm 2021, 2022, 2023 và 2024 không có sự chênh lệch theo như trình bày của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định.

[3.4] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh B ký lại hợp đồng lao động và chi trả lương theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004, phụ cấp ưu đãi thu hút, ưu đãi nghề theo Nghị định 26/2016/NĐ-CP ngày 16/4/2016:

- Xét thấy các hợp đồng lao động trước đây đã được hai bên thực hiện và thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động mới thay thế. Yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn được miễn án phí sơ thẩm là đúng quy định tại Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí lao động phúc thẩm: Người kháng cáo, nguyên đơn được miễn án phí lao động phúc thẩm theo quy định tại Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 11/2025/LĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 184, Điều 185, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 13, Điều 20, Điều 90 Bộ luật lao động 2019; Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018; Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

***Tuyên xử*:**

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy hợp đồng lao động số 83/HĐLV ngày 02/01/2020, do hết thời hiệu khởi kiện.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B (nay là Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội thuộc Sở Y tế Thành phố H) về việc:

- Hủy hợp đồng lao động số 67/HĐ_TTBTXH ngày 23-02-2022 giữa Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B với bà Nguyễn Thị H

- Buộc Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B trả cho bà H số tiền trợ cấp thu hút mỗi tháng 1.200.000 đồng, theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 25/9/2012, của Ủy ban nhân dân tỉnh B, từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 12 năm 2024 là 69.600.000 đồng.

- Buộc Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B phải trả tiền bị giảm khi chuyển đổi hợp đồng từ tháng 01/2020 đến tháng 12 năm 2021 là 15.772.800 đồng, từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2024 là 31.615.200 đồng.

- Buộc Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh B ký lại hợp đồng lao động và chi trả lương theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí lao động sơ thẩm.

4. Về án phí lao động phúc thẩm: Người kháng cáo bà Nguyễn Thị H được miễn án phí lao động phúc thẩm. H3 lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0026439 ngày 14/10/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Tòa án nhân dân KV12-TP.HCM;
- Phòng THADS KV12 - TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tài